

Số: /KH – UBND

Lào Cai, ngày tháng năm 2021

KẾ HOẠCH

Tổ chức tổng kết 08 năm thi hành Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) và Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30/9/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2016/NĐ-CP) trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Thực hiện Quyết định số 183/QĐ-BTP ngày 05/02/2021 của Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch tổng kết 08 năm thi hành Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) (sau đây gọi là *Quyết định số 183/QĐ-BTP*) và Công văn số 362/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL ngày 05/02/2021 của Bộ Tư pháp về việc tổng kết 08 năm thi hành Nghị định số 111/2013/NĐ-CP và Nghị định số 56/2016/NĐ-CP (sau đây gọi là *Công văn số 362/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL*);

Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Kế hoạch tổ chức tổng kết 08 năm thi hành Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) và Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30/9/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2016/NĐ-CP) trên địa bàn tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả *Quyết định số 183/QĐ-BTP* và *Công văn số 362/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL* của Bộ Tư pháp;
- Tổng kết, đánh giá khách quan, toàn diện kết quả đạt được trong việc thực hiện Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) và Nghị định số 111/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2016/NĐ-CP);
- Đánh giá sự phù hợp của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) và Nghị định số 111/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2016/NĐ-CP) với Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020);
- Kịp thời phát hiện những quy định của pháp luật về lĩnh vực XLVPHC không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn để kịp

thời đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý.

- Phát hiện những quy định của pháp luật trong quá trình thực thi áp dụng Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) và Nghị định số 111/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2016/NĐ-CP) không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn để kịp thời đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý.

2. Yêu cầu

- Việc tổng kết phải được thực hiện nghiêm túc, khách quan và toàn diện trên phạm vi toàn tỉnh đảm bảo đúng nội dung, mục đích, tiến độ đề ra.

- Nội dung tổng kết bám sát các quy định của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) và Nghị định số 111/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2016/NĐ-CP) phản ánh đúng tình hình thực tế; phân tích, đánh giá kèm theo số liệu cụ thể.

- Xác định nội dung công việc phải gắn với trách nhiệm và phát huy vai trò chủ động, tích cực của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố; bảo đảm chất lượng và tiến độ hoàn thành công việc;

- Bảo đảm sự phối hợp thường xuyên, hiệu quả giữa các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã thành phố, cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai thi hành các Nghị định.

II. NỘI DUNG

1. Phạm vi tổng kết

Tổng kết đánh giá toàn bộ các quy định của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) và Nghị định số 111/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2016/NĐ-CP).

2. Nội dung tổng kết

2.1. Nội dung tổng kết thực hiện theo mẫu Báo cáo tổng kết thi hành Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) và Nghị định số 111/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2016/NĐ-CP) ban hành kèm theo Kế hoạch này.

2.2. Xem xét, đề xuất khen thưởng đối với tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai thi hành Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP).

3. Hình thức tổng kết

Các sở, ngành và UBND cấp huyện thực hiện tổng kết bằng hình thức tổng hợp Báo cáo gửi Sở Tư pháp để tổng hợp xây dựng báo cáo tổng kết thi hành Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) và Nghị định số 111/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2016/NĐ-CP) trình UBND tỉnh ký ban hành gửi Bộ Tư pháp.

4. Về thời điểm lấy số liệu và gửi báo cáo tổng kết

4.1 Về thời điểm lấy số liệu:

- Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP): Từ ngày 19/7/2013 (thời điểm Nghị định có hiệu lực) đến hết

ngày 31/12/2020.

- Nghị định số 111/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2016/NĐ-CP): Từ ngày 15/11/2013 (thời điểm Nghị định có hiệu lực) đến hết ngày 31/12/2020.

4.2. Thời hạn gửi báo cáo

Các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi Báo cáo về Sở Tư pháp trước ngày **01/3/2021** và gửi kèm 01 bản điện tử vào hộp thư: *ptnghia-stp@laocai.gov.vn*.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện kế hoạch này;

- Đôn đốc, tổng hợp, xây dựng Báo cáo tổng kết 08 năm thi hành Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) và Nghị định số 111/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2016/NĐ-CP) trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

- Tổng hợp đề xuất khen thưởng đối với tập thể và cá nhân điển hình có thành tích xuất sắc trong triển khai thi hành Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

- Lập dự toán kinh phí để triển khai thực hiện các hoạt động theo Kế hoạch, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, cấp kinh phí để thực hiện.

2. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố

2.1. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành cấp tỉnh

- Tiến hành tổng kết trong phạm vi ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền mình quản lý với hình thức phù hợp và xây dựng ***Báo cáo tổng kết 08 năm thi hành Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP)*** theo đề cương tại phụ lục 1 kèm theo Kế hoạch này, gửi về Sở Tư pháp để tổng hợp.

- Xem xét khen thưởng hoặc đề xuất khen thưởng đối với tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai thi hành Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP).

2.2. Trách nhiệm của UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Tiến hành tổng kết trong phạm vi địa phương mình quản lý với hình thức phù hợp và xây dựng ***Báo cáo tổng kết 08 năm thi hành Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) và Báo cáo tổng kết 08 năm thi hành Nghị định số 111/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2016/NĐ-CP)*** theo đề cương tại phụ lục 1, phụ lục 2 kèm theo Kế hoạch này, gửi về Sở Tư pháp để tổng hợp.

- Xem xét khen thưởng hoặc đề xuất khen thưởng đối với tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai thi hành Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được sửa

đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) trong phạm vi thẩm quyền của mình tùy thuộc vào tình hình của địa phương.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện tổng kết 08 năm thi hành Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) và Báo cáo tổng kết 08 năm thi hành Nghị định số 111/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2016/NĐ-CP) của các cơ quan, đơn vị theo phân cấp của Luật ngân sách nhà nước.

2. Sở Tài chính thực hiện việc thẩm định dự toán kinh phí cho Sở Tư pháp để đảm bảo việc tổ chức tổng kết thi hành các Nghị định.

Trên đây là Kế hoạch tổng kết 08 năm thi hành Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) và Nghị định số 111/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2016/NĐ-CP) trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Kế hoạch này triển khai, tổ chức thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch này, nếu có phát sinh vướng mắc kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- TT. TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TAND tỉnh, VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, PCVP1;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH3, NC1.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Giàng Thị Dung

Phụ lục 1**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO****Tổng kết 08 năm thực hiện Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP)**

(Kèm theo Kế hoạch số: _____ /KH-UBND ngày ____ / ____/2021 của UBND tỉnh Lào Cai)

I. Tình hình tổ chức triển khai Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP)**1. Đánh giá chung:**

- 1.1. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện;
- 1.2. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật;
- 1.3. Công tác tuyên truyền, phổ biến, tập huấn.

2. Kết quả thực hiện Nghị định số 81/2013/NĐ-CP:

- 2.1. Kết quả thực hiện các quy định về xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp xử lý hành chính (Chương I Nghị định số 81/2013/NĐ-CP);
- 2.2. Kết quả thực hiện các quy định quản lý nhà nước về thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính (Chương II Nghị định số 81/2013/NĐ-CP);
- 2.3. Kết quả thực hiện quy định về mẫu biên bản và mẫu quyết định sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính.

II. Những khó khăn, vướng mắc chủ yếu trong triển khai áp dụng các quy định của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP)

1. Những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong các quy định của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP.
2. Những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong tổ chức thực hiện các nội dung quy định của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP.
3. Những khó khăn, vướng mắc, bất cập khác.
4. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc.

III. Đề xuất, kiến nghị hoàn thiện pháp luật

Phụ lục 2
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Tổng kết 08 năm thực hiện Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30/9/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2016/NĐ-CP)

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2021 của UBND tỉnh Lào Cai)

I. Tình hình tổ chức triển khai Nghị định số 111/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2016/NĐ-CP)

1. Đánh giá chung:

- 1.1. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện;
- 1.2. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật;
- 1.3. Công tác tuyên truyền, phổ biến, tập huấn.

2. Kết quả thực hiện Nghị định số 111/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2016/NĐ-CP)

- Tổng số đối tượng bị lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn qua các năm: Đưa ra số liệu, so sánh, phân tích số liệu giữa các năm và đưa ra nhận xét, đánh giá.

- Tổng số đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn qua các năm: Đưa ra số liệu, so sánh, phân tích số liệu giữa các năm và đưa ra nhận xét, đánh giá.

- Tình hình thi hành các quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn qua các năm: Đưa ra số liệu, so sánh, phân tích số liệu giữa các năm và đưa ra nhận xét, đánh giá.

II. Những khó khăn, vướng mắc chủ yếu trong triển khai áp dụng các quy định của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2016/NĐ-CP)

1. Những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong các quy định của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2016/NĐ-CP)

2. Những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong tổ chức thực hiện các nội dung quy định của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2016/NĐ-CP)

3. Những khó khăn, vướng mắc, bất cập khác.

4. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc.

III. Đề xuất, kiến nghị hoàn thiện pháp luật